

Số: 1649 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 4 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Lựa chọn nhà cung cấp tài liệu Trung tâm Thông tin - Thư viện

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Trường Đại học;

Căn cứ thông tư số 07/2009/TTLT-BGDDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ vào báo giá của 3 công ty: Nhà Xuất bản Xây Dựng; Nhà sách Hoa Niên; Công ty Cổ phần in Ngọc Trâm;

Căn cứ vào báo giá và khả năng cung cấp tài liệu của Nhà Xuất bản Xây Dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thông tin - Thư viện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chọn Nhà Xuất bản Xây Dựng cung cấp tài liệu cho Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Mỏ - Địa chất với kinh phí là: 83.509.000 (Tám mươi ba triệu, năm trăm linh chín ngàn đồng).

Kinh phí lấy từ nguồn thu sự nghiệp khác của Trường năm 2019

Điều 2. Trung tâm Thông tin - Thư viện thông báo cho Nhà Xuất bản Xây Dựng biết để hai bên tham khảo và ký kết hợp đồng cung cấp sách.

Điều 3. Các ông/bà Giám đốc Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính phối hợp để thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, TT-TV (N400).

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 42/PH - XBXD/HĐKT

Căn cứ Bộ luật dân sự số: 91/2015/QH13 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015;

Căn cứ vào Luật thương mại số: 36/2005/QH11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/6/2005;

Căn cứ Quyết định số: 1649 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc lựa chọn đơn vị cung cấp tài liệu.

Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày 5 tháng 12 năm 2019, tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất, chúng tôi gồm có:

BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ : Số 18 Phố Viên, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 38389633 Số Fax : (84.4) 38389633
Đại diện : Ông Trần Thanh Hải Chức vụ : Hiệu trưởng
Số tài khoản : 3714.0.1055493

Tại : Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm - Hà Nội

BÊN B: NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG

Địa chỉ : 37 Lê Đại Hành - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại : 024.38218785 Số Fax : 024.39785233
Mã số thuế : 0100105359
Đại diện : Ông Ngô Đức Vinh Chức vụ : Giám đốc
Số tài khoản : 118000000972

Tại ngân hàng : Thương mại cổ phần công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội

Mã liên ngân hàng: 01201012

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỰC HIỆN

Hai bên thống nhất việc mua bán tài liệu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	TÊN SÁCH	ĐƠN GIÁ (đồng)	SỐ LƯỢNG (cuốn)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Phương pháp có kết lút chân không xử lý nền đất yếu trong xây dựng công trình	38,000	10	380,000
2	Phòng chống trượt lở đất đá ở bờ dốc - mái dốc	92,000	10	920,000
3	Phân tích thấm trong môi trường đất	87,000	10	870,000
4	Nền và móng (dành cho sinh viên ngành XDĐD và CN) MỚI	168,000	30	5,040,000
5	Nền và móng	105,000	10	1,050,000
6	Nền và móng	79,000	10	790,000
7	Nền móng và tầng hầm nhà cao tầng	73,000	10	730,000

8	Nền móng công trình	136,000	10	1,360,000
9	Móng trên các loại đất đá	69,000	10	690,000
10	Móng nhà cao tầng kinh nghiệm nước ngoài	129,000	10	1,290,000
11	Mặt đường đá gia cố chất liên kết vô cơ	22,000	10	220,000
12	Kỹ thuật xây dựng móng cầu	90,000	10	900,000
13	Kỹ thuật thi công	106,000	10	1,060,000
14	Hướng dẫn thực hành về nền và móng	75,000	10	750,000
15	Hướng dẫn đồ án thi công đất, đắp đập đất, đào đắp kênh mương, đào hố móng	28,000	10	280,000
16	Hướng dẫn đồ án kỹ thuật thi công bê tông toàn khối nhà nhiều tầng	93,000	10	930,000
17	Giám sát kiểm tra chất lượng thi công cầu	85,000	10	850,000
18	Gia cố nền và móng khi sửa chữa nhà	39,000	10	390,000
19	Đất đá xây dựng và phương pháp cải tạo	115,000	10	1,150,000
20	Công trình ngầm	58,000	10	580,000
21	Công trình đê chắn sóng và bảo vệ bờ biển	64,000	10	640,000
22	Công nghệ thi công móng móng mố trụ và tháp cầu	145,000	30	4,350,000
23	Công nghệ hiện đại trong xây dựng cầu bê tông cốt thép	88,000	30	2,640,000
24	Công nghệ bê tông tự lèn	28,000	10	280,000
25	Cọc khoan nhồi trong vùng hang động castor	16,000	5	80,000
26	Cọc khoan nhồi trong công trình giao thông	82,000	5	410,000
27	Chi dẫn kỹ thuật thi công và kiểm tra chất lượng cọc khoan nhồi	30,000	5	150,000
28	Các phương pháp tính lún cho nền đất	110,000	10	1,100,000
29	Các phương pháp thi công đất và gia cố móng trong xây dựng	98,000	20	1,960,000
30	Từ điển kỹ thuật xây dựng cầu Việt Anh	32,000	2	64,000
31	Từ điển kỹ thuật xây dựng cầu Anh Việt	34,000	2	68,000
32	Từ điển kỹ thuật xây dựng & máy móc thiết bị thi công Anh - Pháp - Việt	120,000	2	240,000
33	Từ điển kỹ thuật thủy lợi Anh - Việt	60,000	2	120,000
34	Từ điển bách khoa xây dựng, kiến trúc	120,000	2	240,000
35	Thuật ngữ xây dựng hàm Anh Việt	65,000	2	130,000
36	Thuật ngữ địa kỹ thuật Anh - Việt	82,000	2	164,000
37	Các thuật ngữ kỹ thuật Việt Anh, Anh Việt cầu đường ôtô	44,000	2	88,000
38	Tính toán, thiết kế neo trong đất	99,000	10	990,000
39	Tính toán thực hành nền móng công trình dân dụng và công nghiệp	123,000	10	1,230,000
40	Tính toán thiết kế thi công cầu	89,000	10	890,000
41	Tính toán thiết kế mặt đường sân bay và đường ôtô	66,000	5	330,000
42	Tính toán thiết kế kết cấu mới và kết cấu gia cường mặt đường sân bay	54,000	5	270,000
43	Tính toán thiết kế công trình biển có định bằng thép trong điều kiện nước sâu	89,000	10	890,000
44	Tính toán móng công trình	79,000	5	395,000
45	Thiết kế và thi công tường cừ	91,000	10	910,000
46	Thiết kế và thi công tường chắn đất có cốt	44,000	10	440,000
47	Thiết kế tổ chức thi công	77,000	10	770,000
48	Thiết kế thành phần Bê tông	80,000	10	800,000
49	Thiết kế móng nông	75,000	10	750,000
50	Thiết kế kháng chấn công trình	90,000	20	1,800,000

51	Thiết kế địa kỹ thuật - Phần 2: Khảo sát và thí nghiệm đất nền	109,000	20	2,180,000
52	Thiết kế địa kỹ thuật - Phần 1: Các quy định chung	97,000	20	1,940,000
53	Thiết kế công trình chịu động đất - Phần 6 - Tháp trụ và ống khói	36,000	20	720,000
54	Thiết kế công trình chịu động đất - Phần 5 - Nền móng, tường chắn và các vấn đề địa kỹ thuật	33,000	20	660,000
55	Thiết kế công trình biển trọng lực bê tông	79,000	20	1,580,000
56	Thiết kế công trình bến cảng	99,000	10	990,000
57	Phương pháp phần tử hữu hạn và dải hữu hạn	78,000	5	390,000
58	Phương pháp phần tử hữu hạn và các ứng dụng trong tính toán kỹ thuật	113,000	15	1,695,000
59	Phương pháp Osterberg đánh giá sức chịu tải của cọc khoan nhồi - barrette	45,000	5	225,000
60	Đánh giá giải pháp thiết kế xây dựng	40,000	5	200,000
61	Công trình biển, tiêu chuẩn thực hành nạo vét và tôn tạo đất	28,000	5	140,000
62	Công trình biển thiết kế ụ khô, âu tàu, triển bến đóng tàu, máy nâng tàu và cửa ụ, âu	20,000	5	100,000
63	Công trình biển thiết kế hệ thống đệm và neo tàu	12,000	5	60,000
64	Công trình biển - Chỉ dẫn thiết kế và thi công đề chắn sóng	18,000	5	90,000
65	Cơ học đất (Tập 2)	129,000	5	645,000
66	Cơ học đất (Tập 1)	113,000	5	565,000
67	Cơ học đất (GT dùng cho SV ngành xây dựng cầu đường)	108,000	5	540,000
68	Cơ học đất	29,000	5	145,000
69	Cơ học đất	95,000	5	475,000
70	Cơ học đất	88,000	5	440,000
71	Cơ học đất	114,000	5	570,000
72	Cơ học đá ứng dụng	97,000	5	485,000
73	Chỉ dẫn thiết kế nền nhà và công trình	124,000	20	2,480,000
74	Vật liệu xây dựng đường ôtô và sân bay	45,000	5	225,000
75	Vật liệu và sản phẩm trong xây dựng	102,000	20	2,040,000
76	Thí nghiệm vật liệu xây dựng	64,000	20	1,280,000
77	Công nghệ bê tông xi măng (Tập 2)	75,000	10	750,000
78	Công nghệ bê tông	148,000	10	1,480,000
79	Công nghệ bê tông nhẹ	65,000	20	1,300,000
80	Chất kết dính vữa cơ	83,000	20	1,660,000
81	Bê tông đầm lăn	42,000	10	420,000
82	Bê tông cốt sợi thép	29,000	20	580,000
83	Bê tông cường độ cao	54,000	10	540,000
84	Giáo trình lập trình ứng dụng WEB	92,000	20	1,840,000
85	Giáo trình kinh tế xây dựng	200,000	20	4,000,000
86	Sổ tay hướng dẫn quy hoạch mạng lưới cấp thoát nước đô thị	72,000	10	720,000
87	Kỹ thuật xử lý khí phát thải	88,000	10	880,000
88	Thiết kế khung bê tông cốt thép toàn khối	143,000	10	1,430,000
89	AUTOCAD cơ bản cho người mới bắt đầu	93,000	10	930,000
90	Xử lý, tái sử dụng nước thải	200,000	10	2,000,000
91	Giáo trình thực hành tiện	70,000	10	700,000
TỔNG CỘNG:				951
				83,509,000

(Bảng chữ: Tám mươi ba triệu năm trăm linh chín ngàn đồng.)

- Hàng hóa do Bên B cung cấp đảm bảo mới 100%.
- Thời gian giao hàng: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
- Địa điểm giao hàng: Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
- Mọi chi phí liên quan về vận chuyển đến kho Bên A do Bên B chịu.

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Tổng giá trị hợp đồng là: 83.509.000đ (Bằng chữ: Tám mươi ba triệu năm trăm linh chín ngàn đồng).

Giá trên đã bao gồm: Các loại thuế, chi phí vận chuyển, bốc xếp đến địa điểm của Bên A. Giá của Hợp đồng nêu trên là cố định trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng này.

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 15 ngày sau khi hai Bên ký Biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hoá, Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B 100% giá trị hợp đồng.

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Thông tin chuyển khoản:

Người thụ hưởng : Nhà xuất bản Xây dựng

Số tài khoản : 118000000972

Tại ngân hàng : Thương mại cổ phần công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội

Mã liên ngân hàng : 01201012

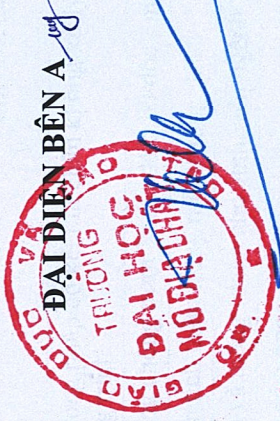
ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

- Khi giao nhận hàng, đại diện của Bên A và Bên B sẽ cùng kiểm tra về chủng loại, số lượng, quy cách hàng hoá và lập thành biên bản bàn giao. Nếu kết quả kiểm tra không phù hợp với hợp đồng thì Bên B có trách nhiệm bổ sung hoặc thay thế hàng hoá mới cho phù hợp với hợp đồng, việc bổ sung thay thế chỉ trong vòng 05 ngày kể từ ngày giao hàng.
- Ngoài trách nhiệm như trên Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc bổ sung hoặc thay thế, đồng thời phải chịu phạt và bồi thường thiệt hại cho Bên A.

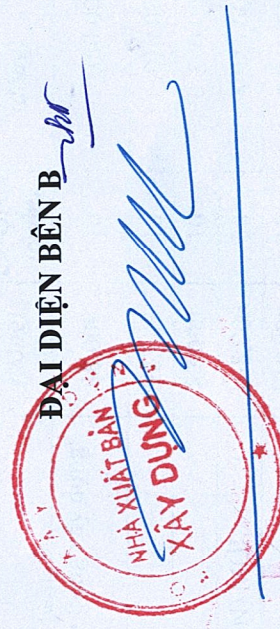
ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Mọi sửa đổi và bổ sung cho hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi được làm thành văn bản và có chữ ký đầy đủ của đại diện có thẩm quyền của hai bên. Bản sửa đổi bổ sung sẽ được coi là một phần không tách rời của hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký.
- Hai bên cam kết sẽ thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản qui định trong hợp đồng và các phụ lục đính kèm theo hợp đồng này (nếu có).
- Hợp đồng này sẽ kết thúc khi hai bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của mình quy định trong hợp đồng và ký vào biên bản thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng gồm 04 trang Tiếng Việt, được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản.



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS Trần Thanh Hải



GIÁM ĐỐC
Ngô Đức Vinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

- Căn cứ hợp đồng kinh tế số: 42/PH-XBXD/HĐKT ký ngày 5 tháng 12 năm 2019 giữa Trường Đại học Mở - Địa chất và Nhà xuất bản Xây dựng;

Hôm nay ngày 6 tháng 12 năm 2019, tại Trường Đại học Mở - Địa chất, chúng tôi gồm có:

BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ : Số 18 Phố viên, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 38389633 Số Fax : (84.4) 38389633

Đại diện : Ông Trần Thanh Hải Chức vụ : Hiệu trưởng

Số tài khoản : 3714.0.1055493

Tại : Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm - Hà Nội

BÊN B: NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG

Địa chỉ : 37 Lê Đại Hành - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại : 024.38218785 Số Fax : 024.39785233

Mã số thuế : 0100105359

Đại diện : Ông Ngô Đức Vinh Chức vụ : Giám đốc

Số tài khoản : 118000000972

Tại ngân hàng : Thương mại cổ phần công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội

Mã liên ngân hàng: 01201012

Hai bên thống nhất nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng số: 42/PH-XBXD/HĐKT ký ngày 5 tháng 12 năm 2019 với các nội dung sau:

I. NỘI DUNG THỰC HIỆN

- Bên B đã thực hiện đúng theo điều 1 của hợp đồng số: 42/PH-XBXD/HĐKT ký ngày 5 tháng 12 năm 2019.

- Hàng hóa do Bên B cung cấp đảm bảo mới 100%,

- Thời gian giao hàng: Đúng quy định,

- Chi phí vận chuyển: Bên B chịu.

II. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Tổng giá trị hợp đồng: **83.509.000đ** (Tám mươi ba triệu năm trăm linh chín ngàn đồng).

- Số tiền bên A đã tạm ứng cho bên B: **0** (đồng)

- Số tiền bên A còn phải trả cho bên B: **83.509.000đ** (Tám mươi ba triệu năm trăm linh chín ngàn đồng).

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

III. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết sẽ thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản qui định trong Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm theo Hợp đồng này (nếu có).

- Hai bên nhất trí thanh lý hợp đồng số: 42/PH-XBXD/HĐKT ký ngày 5 tháng 12 năm 2019 và không còn vướng mắc gì. Mọi phát sinh sau khi ký kết thanh lý hợp đồng không có giá trị pháp lý ràng buộc các bên phải thực hiện.

Biên bản thanh lý gồm 02 trang tiếng Việt, được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản.

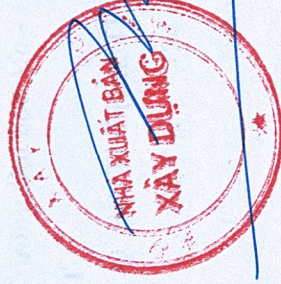
ĐẠI DIỆN BÊN A



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Ngô Đức Vinh